

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA (BE 25M) NAM 2023 - 21/03/2023 to 24/03/2023

Results - NGAY THI DAU THU TU

Event 421 Women 100 SC Meter VHCV

KLQG: 42.09 * 12/03/2022		Hang Nguyen Thi		DNG		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1	Pham Thi, Thu	20	Hai Duong	39.50	41.24*	
2	Cao Thi, Duyen	21	Thanh Hoa	39.00	41.45*	
3	Dang Thi, Vuong	16	Ha Noi	42.00	41.68*	
4	Tran Phuong, Nhi	17	Ha Noi	42.00	41.93*	
5	Nguyen Thi, Hang	20	Da Nang	41.00	42.97	
6	Ta Hoang, Minh Anh	21	TP Ho Chi Minh	46.00	45.50	
7	Mai Ngoc, Nhu Truc	16	Quan Doi	43.00	45.86	
8	Duong Thuy, Hong	15	Quang Ninh	43.50	45.98	
9	Pham Hoai, Anh	16	Thanh Hoa	47.00	47.83	
10	Nguyen Thi, Thu	15	Quang Ninh	43.00	47.92	
11	Le Thi, Lam Lam	15	Quan Doi	43.00	48.37	
12	Le Thi, Kim Anh	18	Binh Thuan	50.35	49.73	
13	Nguyen Thi, Phuong Linh	13	Hai Duong	46.00	49.74	
---	Ha Phuong, Anh	13	Hai Duong	NT	X48.42	
---	Nguyen Luong, Nhung	16	Ha Noi	NT	X50.95	
---	Hoang Thi, Anh Thu	14	Thanh Hoa	NT	X51.29	
---	Le Thu, Thuy	12	Hai Duong	NT	X59.22	
---	Nguyen Thi, Thao	18	Nam Dinh	42.00	DNF	
	Swimmer did not finish					
---	Nguyen Hoai, Thuong	20	Da Nang	41.50	DNF	
	Swimmer did not finish					

Event 422 Men 100 SC Meter VHCV

KLQG: 33.80 * 20/03/2017		Loc Nguyen Thanh		HCM		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1	Nguyen Thanh, Loc	27	TP Ho Chi Minh	33.90	34.52	
2	Do Dinh, Toan	25	TP Ho Chi Minh	33.99	35.61	
3	Nguyen Duy, Anh	19	Da Nang	35.00	37.01	
4	Truong Minh, Quan	18	Quan Doi	36.00	37.09	
5	Dang Duc, Manh	20	Quan Doi	38.00	37.88	
6	Dang Phu, Quoc	16	Ha Noi	37.50	39.79	
7	Tran Cong, Tu	19	Da Nang	36.60	42.14	
8	Toun, Tithsatya	18	Cambodia	40.50	42.47	
9	Lim, Sokwadthadnoon	16	Cambodia	40.00	42.65	
10	Nguyen Phi, Ha	16	Thanh Hoa	NT	43.28	
11	Le Khuong, Duy	14	Thanh Hoa	NT	43.32	
12	Kim, Keouodom	29	Cambodia	42.00	44.38	
13	Chhom, Chanthon	20	Cambodia	43.00	44.98	
14	Truong Tran, Gia Tong	16	Binh Thuan	NT	48.00	
15	Tran Nhat, Tan	13	Hai Duong	46.00	56.55	
---	Nguyen Khang, Dung	15	TP Ho Chi Minh	NT	X41.54	
---	Nguyen Tien, Dat	19	TP Ho Chi Minh	NT	XNS	
---	Le Dang, Duc Viet	17	Ha Noi	36.50	NS	
---	Nguyen Ngoc, Quang Minh	16	TP Ho Chi Minh	NT	XNS	

Event 423 Women 50 SC Meter CVD

KLQG: 21.53 * 20/03/2019		Thu Pham Thi		HDG		
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points	
1	Cao Thi, Duyen	21	Thanh Hoa	21.30	21.23*	
2	Nguyen Thi, Thao	18	Nam Dinh	21.00	21.94	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA (BE 25M) NAM 2023 - 21/03/2023 to 24/03/2023

Results - NGAY THI DAU THU TU

(Event 423 Women 50 SC Meter CVD)

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
3 Pham Thi, Thu	20	Hai Duong	21.00	22.18	
4 Le Thi, Thanh Van	18	Hai Duong	20.20	22.77	
5 Kaing, Muynin	16	Cambodia	23.00	22.84	
6 Tran Ha, Trang	21	Hai Phong	22.00	22.90	
7 Kheun, Bunpichmorakat	16	Cambodia	23.50	23.03	
8 Vo Thi, Tuyet Hoa	19	Dong Nai	22.60	23.29	
9 Thach Thi, Diem My	15	Dong Nai	22.50	23.46	
10 Vu Thi, Tuyet Minh	14	Binh Thuan	24.50	23.98	
11 Mai Ngoc, Nhu Truc	16	Quan Doi	NT	24.11	
12 Trieu Thi, Uyen	12	Quang Ninh	24.50	24.25	
13 Tran Phuong, Linh	17	Ha Noi	24.00	24.39	
14 Ta Hoang, Minh Anh	21	TP Ho Chi Minh	25.00	24.53	
15 Do Thi, Tuyet Mai	15	Hai Phong	24.00	24.57	
16 Nguyen Thi, Hong Nhung	13	Quan Doi	NT	25.20	
17 Hoang Thi, Tra My	17	Thua Thien Hue	NT	25.52	
18 Le Thi, Thuy Tien	14	Quang Binh	25.00	26.35	
19 Tran Hoang, Uyen Nhi	18	Binh Thuan	24.51	26.55	
20 Cao Anh, Tuyet	12	Thanh Hoa	NT	28.77	
21 Pham Thi, Kim Thuong	17	Ha Noi	25.00	33.75	
--- Nguyen Thi, Phuong Linh	13	Hai Duong	NT	X24.60	
--- Nguyen Thi, Nguyen	17	Thanh Hoa	NT	X25.15	
--- Le Thi, Nhung	13	Thanh Hoa	NT	X25.98	
--- Vu Luu, Bao Ngoc	12	Thanh Hoa	NT	X27.07	
--- Tran Thi, Ngoc Lan	11	Hai Duong	NT	XDNF	
Swimmer did not finish					

Event 424 Men 50 SC Meter CVD

Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1 Vu Dang, Nhat Nam	18	Dong Nai	19.30	19.12*	
2 Nguyen Ngoc, Huynh	27	Dong Nai	19.20	19.30	
3 Vu Van, Bac	20	Phu Tho	19.55	20.00	
4 Dang Gia, Huan	16	TP Ho Chi Minh	21.90	20.13	
5 Truong Minh, Quan	18	Quan Doi	NT	20.39	
6 Tran The, Luong	17	Quang Ninh	20.00	20.50	
7 Dang Trong, Minh	16	Thanh Hoa	22.00	21.06	
8 Tran Van, Dung	16	Ha Noi	21.00	21.14	
9 Le Trung, Hieu	18	Hai Phong	NT	21.18	
10 Do Chien, Thang	21	Hai Phong	20.00	21.34	
11 Thai Quang, Minh	24	Ha Noi	21.50	21.40	
12 Doan Kim, Tham	17	Quang Binh	21.00	22.18	
13 Vu Ngoc, Diep	14	Hai Duong	20.00	22.49	
14 Nguyen Van, An	17	Quang Binh	21.00	22.89	
15 Pham Duy, Thanh	14	Binh Thuan	NT	23.32	
16 Phan Tang, Minh Chuyen	14	Binh Thuan	NT	23.61	
17 Bui Van, Binh	17	Thua Thien Hue	NT	23.93	
18 Cao Van, Manh	13	Thanh Hoa	NT	24.35	
19 Do Thanh, Thao	19	Quan Doi	NT	26.39	
--- Vu Hai, Nam	17	Hai Phong	NT	X22.09	
--- Vu Dinh, Thien	13	Thanh Hoa	NT	X25.57	
--- Nguyen Ngoc, Quang Minh	16	TP Ho Chi Minh	22.00	NS	

GIAI LAN VO DICH QUOC GIA (BE 25M) NAM 2023 - 21/03/2023 to 24/03/2023

Results - NGAY THI DAU THU TU

Event 425 Women 800 SC Meter VHCV

KLQG: 7:13.35 * 22/03/2019		Trang Diem Tran Thi		QBH	
Name	Age	Team	Seed Time	Finals Time	Points
1	Nguyen Tran, San San	15 Ha Noi	7:20.00	7:26.36	
2	Pham Thi, Hong Diep	18 Thai Binh	7:10.00	7:26.45	
3	Nguyen Tu, Anh	15 Nghe An	7:24.00	7:27.89	
4	Nguyen Nhat, Le Nguyen	17 Da Nang	7:18.00	7:32.02	
5	Nguyen Thi, Phuong	15 Quang Ninh	7:37.00	7:54.96	
6	Nguyen Vu, Thuy Duong	15 Da Nang	7:23.00	8:02.07	
7	Bach Thi, Hoai Thu	16 Quang Binh	7:45.00	8:04.71	
8	Nguyen Thi, Thuy Dung	16 Quang Ninh	7:40.00	8:07.26	
9	Pham Thi, Thuy Suong	14 Quang Binh	7:52.00	8:17.41	
10	Tran Thi, Hoai Thuong	14 Dong Nai	7:50.00	8:19.42	
11	Ha Phuong, Anh	13 Hai Duong	8:00.00	8:21.07	
12	Nguyen Thi, Hong Nhung	13 Quan Doi	7:40.00	8:33.40	
13	Le Thu, Thuy	12 Hai Duong	8:30.00	10:02.82	
---	Nguyen Thi, Thu	15 Quang Ninh	NT	X8:14.69	
---	Dang Thi, Vuong	16 Ha Noi	7:24.00	DNF	
	Swimmer did not finish				
---	Thach Thi, Thao Suong	17 Quan Doi	7:40.00	NS	

Event 426 Men 4x200 SC Meter VHCV Relay

KLQG: 5:39.36 * 07/04/2021		TP Ho Chi Minh		HCM	
Team	Relay	Seed Time	Finals Time	Points	
1	TP Ho Chi Minh	A	NT	5:43.53	
	1) Nguyen Tien, Dat 19	2) Pham Le, Minh Phuc 18	3) Do Dinh, Toan 25	4) Luu Nguyen, Duc Tam 25	
2	Quan Doi	A	NT	5:44.19	
	1) Dang Duc, Manh 20	2) Do Thanh, Thao 19	3) Le Quy, Don 27	4) Kim Anh, Kiet 18	
3	Da Nang	A	NT	6:03.04	
	1) Tran Cong, Tu 19	2) Dang Nguyen, Long Nhat 16	3) Vo Van, Vuong 16	4) Nguyen Duy, Anh 19	
4	Quang Binh	A	NT	6:07.93	
	1) Phan Van, Tuan 22	2) Doan Kim, Tham 17	3) Pham Thanh, Dai 16	4) Tran Quang, Huong 15	
5	Ha Noi	A	NT	6:10.58	
	1) Dang Phu, Quoc 16	2) Nguyen Viet, Hung 15	3) Ngo Manh, Khoi 17	4) Nguyen Huy, Anh 15	